

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định dạy và học Kỹ năng sống, Tin học,
Nghề phổ thông, làm quen, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự
tham gia của giáo viên người nước ngoài tại các trường công lập
trên địa bàn thành phố Hạ Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa”;

Căn cứ Quyết định số 3615/QĐ- UBND ngày 18/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt “Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2020”;

Căn cứ Công văn số 5570/UBND-GD ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “V/v tổ chức dạy tăng cường kỹ năng nghe nói ngoại ngữ có sự tham gia của người nước ngoài cho học sinh trong các trường học”;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 22/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về một số nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017 - 2018;

Căn cứ văn bản số 559/LN TC-GD&ĐT ngày 28/2/2011 của Sở Tài chính - Sở GD&ĐT “Về việc hướng dẫn thu tiền dạy nghề phổ thông trong các cơ sở giáo dục”;

Căn cứ văn bản số 1636/SGD&ĐT-GDĐT ngày 14/7/2014 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh “Về việc triển khai thực hiện Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo”;

Căn cứ văn bản số 55/SGD&ĐT-GDĐT ngày 07/01/2016 “Về việc hướng dẫn quản lý hoạt động giảng dạy ngoại ngữ của người nước ngoài tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh từ năm học 2015 – 2016”;

Căn cứ văn bản số 1563/HD-SGDĐT ngày 11/7/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh hướng dẫn triển khai dạy và học môn tiếng Anh cấp tiểu học năm học 2016 - 2017;

Căn cứ văn bản số 2721/SGDĐT-GDTrH ngày 24/10/2016 của Sở GD&ĐT “Về việc thực hiện hoạt động giáo dục nghề phổ thông cho học sinh trung học từ năm học 2016 - 2017”;

Căn cứ văn bản số 2257/SGDĐT-KHTC ngày 23/8/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh “V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chấn chỉnh tình trạng làm thu trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2017 - 2018;

Căn cứ văn bản số 2359/SGDĐT ngày 29/8/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh “V/v hướng dẫn quản lý tài chính hoạt động tổ chức dạy tăng cường kỹ năng nghe, nói ngoại ngữ có sự tham gia của người nước ngoài cho học sinh trong các cơ sở giáo dục”;

Căn cứ văn bản số 2369/SGDĐT-GDTH ngày 30/8/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh “V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2017 - 2018”;

Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc dạy và học Kỹ năng sống, Tin học, Nghề phổ thông, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài tại các trường công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND&UBND Thành phố; Trưởng các Phòng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính Kế hoạch, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường; Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập trên địa bàn thành phố; các trung tâm ngoại ngữ, kỹ năng sống, tin học và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT.TU; HĐND; UBND thành phố;
- Như Điều 3;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Hà

QUY ĐỊNH

Về việc dạy và học kỹ năng sống, tin học, nghề phổ thông, làm quen, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài tại các trường công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8332 /2017 /QĐ-UBND ngày 5 tháng 10 năm 2017 của UBND thành phố Hạ Long)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc dạy và học ngoài giờ chính khóa đối với kỹ năng sống, tin học, nghề phổ thông, làm quen, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long (sau đây gọi chung là hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục);

b) Các cơ quan nhà nước, các trung tâm, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa tại các cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là các đơn vị).

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, giáo dục nhân cách cho người học; có nội dung phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý người học, phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về các nội dung giáo dục, chất lượng giáo dục đối với các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

3. Không vi phạm Quy định về dạy thêm, học thêm.

4. Việc dạy và học các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phải xuất phát từ nhu cầu của xã hội và sự tự nguyện của người học, không ép buộc người học tham gia dưới mọi hình thức.

5. Khi tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa trong cơ sở giáo dục phải đảm bảo hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt tại quy định này.

6. Phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

7. Phải hạch toán riêng từng khoản thu trên hệ thống sổ sách kế toán và được tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi hàng năm, không được điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác.

8. Đối tượng tại Quy định này thực hiện nghiêm túc Quy định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Chương trình, tài liệu, thời lượng dạy và học

1. Chương trình, tài liệu dạy và học.

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Có đủ giáo trình, tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc phê duyệt. Nếu giáo trình, tài liệu tự lựa chọn hoặc tự xây dựng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động hoặc cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận; đảm bảo yêu cầu, có nội dung phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam, không trái với các quy định của pháp luật.

2. Thời gian, thời lượng dạy và học.

a) Các cơ sở giáo dục tổ chức dạy và học kỹ năng sống, tin học, làm quen, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài: Mỗi nội dung học không quá 02 tiết/tuần, 08 tiết/tháng.

Đối với học sinh mầm non, tiểu học thời gian học 40 phút/tiết, đối với học sinh trung học cơ sở thời gian học 45 phút/tiết. Học sinh, cha mẹ học sinh được quyền lựa chọn tham gia học theo thời lượng 01 tiết/tuần hoặc 02 tiết/tuần.

b) Các cơ sở giáo dục tổ chức dạy và học Nghề phổ thông: Số tiết học là 70 tiết/năm học (09 tháng).

c) Thời gian tổ chức

- Đối với các trường tổ chức dạy học 2 buổi /ngày, ngoài việc dạy tích hợp, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào các môn học và hoạt động giáo dục, có thể tổ chức giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa vào các ngày thứ 7 trong tuần.

- Đối với các trường tổ chức dạy học 1 buổi /ngày, ngoài việc dạy tích hợp, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào các môn học và hoạt động giáo dục,

tùy theo điều kiện của trường, có thể tổ chức giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa vào buổi thứ hai trong ngày hoặc các ngày thứ 7 trong tuần.

Điều 4. Người dạy, người học

1. Người dạy

a) Người dạy kỹ năng sống phải có bằng tốt nghiệp từ Cao đẳng trở lên với các chuyên ngành có liên quan đến công tác giáo dục, có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ sư phạm.

b) Người dạy tin học phải có bằng tốt nghiệp từ Cao đẳng tin học trở lên và có chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ sư phạm.

c) Đối với dạy làm quen tiếng Anh, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của người nước ngoài:

- Người nước ngoài tham gia giảng dạy: Có trình độ cử nhân chuyên ngành sư phạm tiếng nước ngoài (tiếng Anh) phù hợp với từng cấp học trở lên. Nếu có bằng cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ nhưng không phải chuyên ngành sư phạm tiếng nước ngoài thì phải có thêm chứng chỉ giảng dạy tiếng nước ngoài (tiếng Anh) và phải được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh cấp phép giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

- Giáo viên Việt Nam tham gia trợ giảng: Là giáo viên của cơ sở giáo dục hoặc do cơ sở giáo dục quản lý và phải đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm ngoại ngữ hoặc cao đẳng chuyên ngành tiếng Anh (có chứng chỉ sư phạm) trở lên và có chứng chỉ năng lực tiếng Anh đạt chuẩn B2 trở lên theo khung tham chiếu châu Âu do đơn vị chủ quản được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép bồi dưỡng và cấp.

d) Người dạy nghề phổ thông: Có bằng chuyên môn (Đại học, Cao đẳng chuyên ngành) thuộc các Nghề phổ thông do Bộ GD&ĐT ban hành; có trình độ chuyên môn tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng sư phạm kỹ thuật đối với nghề Nấu ăn, Thêu, Cắt may. Giáo viên Vật lý, Công nghệ dạy được nghề Điện tử, Điện dân dụng; giáo viên Sinh học, Công nghệ dạy được nghề Trồng rừng, Làm vườn, Nuôi cá. Giáo viên nếu chưa có đủ các bằng cấp (nêu trên) phải được đào tạo hoặc bồi dưỡng mới bố trí dạy Nghề phổ thông.

đ) Người dạy làm quen tiếng Anh (không có sự tham gia của người nước ngoài): Là giáo viên của cơ sở giáo dục hoặc ngoài cơ sở giáo dục và phải đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm ngoại ngữ hoặc cao đẳng chuyên ngành tiếng Anh (có chứng chỉ sư phạm) trở lên và có chứng chỉ năng lực tiếng Anh đạt chuẩn B2 trở lên theo khung tham chiếu châu Âu do đơn vị chủ quản được Bộ GD&ĐT cho phép bồi dưỡng và cấp.

e) Ngoài việc đáp ứng một trong các quy định tại Điểm a, b, c, d, đ Khoản 1 Điều này, người dạy phải có đủ điều kiện về sức khỏe; có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị truy cứu trách

nhiệm hình sự; am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan.

2. Người học

a) Người học tham gia học kỹ năng sống, tin học là học sinh tiểu học, trung học cơ sở.

b) Người học tham gia học làm quen, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài là học sinh mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

c) Người học tham gia học nghề phổ thông là học sinh lớp 8 các trường trung học cơ sở, trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở.

Điều 5. Cơ sở vật chất, thiết bị

1. Có phòng học, phòng chức năng có đủ ánh sáng, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh trường học theo quy định.

2. Thiết bị dạy học phải bảo đảm an toàn, phù hợp với nội dung dạy học, hoạt động và tâm lý lứa tuổi người học.

3. Đối với các cơ sở giáo dục tổ chức dạy tin học nếu chưa được trang bị hệ thống máy tính, phần mềm phục vụ học tập được phép liên kết với các đơn vị cung cấp thiết bị tin học (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đúng ngành nghề) để đầu tư trang thiết bị ban đầu.

Điều 6. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Định kỳ hàng tháng, cuối mỗi học kì, các cơ sở giáo dục và các đơn vị liên kết có trách nhiệm tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập; cuối mỗi năm học tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập của học sinh; thường xuyên động viên, khen thưởng, khích lệ để học sinh học tập tích cực.

Điều 7. Lập dự toán, mức thu, quản lý và sử dụng kinh phí

1. Các cơ sở giáo dục và các trung tâm có trách nhiệm phối hợp, xây dựng dự toán thu, chi kinh phí đóng góp của cha mẹ học sinh tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa theo đúng quy định tại Phụ lục đính kèm quy định này. Tùy theo điều kiện, khả năng đóng góp của cha mẹ học sinh để cân đối mức thu, chi cho phù hợp, dự toán chỉ đảm bảo theo nguyên tắc thu đủ chi. Trên cơ sở dự toán những nội dung chi, các cơ sở giáo dục thống nhất với cha mẹ học sinh về mức thu nhưng phải phù hợp với khả năng chi trả của cha mẹ học sinh và không vượt quá mức thu tại Khoản 2 Điều này.

2. Mức thu

a) Đối với dạy làm quen, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh cho học sinh có sự tham gia của người nước ngoài: Mức thu không vượt quá 295.000đ/tháng (Hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng/tháng) đối với mỗi học sinh học 08 tiết/tháng, không quá 147.000đ/tháng (Một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng/tháng) đối với mỗi học sinh học 04 tiết/tháng, mức thu này chưa bao

gồm tiền học liệu (Phô tô tài liệu, phiếu bài tập, dụng cụ trực quan); Mức thu tiền học liệu không quá 12.000 đồng/tháng/người học.

b) Đối với dạy kỹ năng sống: Mức thu không vượt quá 144.000đ/tháng (Một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng/tháng) đối với mỗi học sinh học 08 tiết/tháng; không quá 72.000đ/tháng (bảy mươi hai nghìn đồng/tháng) đối với mỗi học sinh học 04 tiết/tháng.

c) Đối với dạy tin học: Mức thu không vượt quá 67.000đ/tháng (Sáu mươi bảy nghìn đồng/tháng) đối với mỗi học sinh học 08 tiết/tháng; không quá 33.000đ/tháng đối với mỗi học sinh học 04 tiết/tháng.

d) Đối với dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8, học sinh tham gia theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo. Mức thu không vượt quá 5.500đ/tiết (Năm nghìn năm trăm đồng/tiết). Nguyên liệu thực hành người học tự trang bị.

e) Đối với dạy làm quen tiếng Anh (không có sự tham gia của người nước ngoài): Mức thu không vượt quá 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng/tháng) đối với mỗi học sinh học 08 tiết/tháng; không quá 45.000đ/tháng (bốn mươi lăm nghìn đồng/tháng) đối với mỗi học sinh học 04 tiết/tháng.

3. Nội dung chi tại cơ sở giáo dục:

Sau khi chi trả cho các trung tâm và nhà đầu tư theo quy định, các cơ sở giáo dục được chi các nội dung sau:

a) Chi cho giáo viên trợ giảng (đối với dạy làm quen, tăng cường kỹ năng nghe nói tiếng Anh cho học sinh có sự tham gia của người nước ngoài), giáo viên giảng dạy;

b) Chi công tác quản lý cho những người trực tiếp tham gia; chi trách nhiệm cho Ban giám hiệu; giáo viên quản lý lớp; kế toán; người thu tiền;

c) Chi phí điện, nước, vệ sinh lớp học;

d) Chi khấu hao tài sản: Chi phí khấu hao tài sản để tạo nguồn kinh phí bổ sung, sửa chữa tài sản chung. Nếu không chi hết trong năm tài chính được chuyển sang năm sau để chi, không được chi sang các nội dung khác;

đ) Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục, khen thưởng cho người học;

e). Chi nghĩa vụ thuế theo quy định;

g). Chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

Các nội dung chi, mức chi nêu trên phải được cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục và phải hạch toán vào báo cáo tài chính theo quy định.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt đề án

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt các đề án của cơ sở giáo dục;
- b) Đề án chi tiết (bao gồm dự toán thu, chi) của cơ sở giáo dục;
- c) Các tài liệu có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt

a) Cơ sở giáo dục nộp 01 (một) bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 9 của quy định này. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét và phải thông báo bằng văn bản với cơ sở giáo dục về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu cần thiết;

b) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm phê duyệt hoặc có văn bản thông báo về kết quả xử lý Đề án cho cơ sở giáo dục biết nếu Đề án chưa được phê duyệt.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt

Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố phê duyệt Đề án việc dạy và học ngoài giờ chính khóa đối với kỹ năng sống, tin học, nghề phổ thông, làm quen tiếng Anh, tăng cường kỹ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long.

Điều 10. Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ

1. Các đơn vị cung cấp dịch vụ liên kết, hợp tác (cung cấp giáo viên, giáo trình, tài liệu, phương tiện, trang thiết bị học tập, phần mềm học tập...) với các cơ sở giáo dục phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo ngành nghề liên quan đến nội dung dạy và học tại Quy định này; có đầy đủ các quyết định của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập, cho phép hoạt động theo quy định.

2. Đối với giáo viên người nước ngoài tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục phải có lí lịch tư pháp, bằng cấp, chứng chỉ của người nước ngoài; văn bản của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cho phép các đơn vị được thực hiện kế hoạch tuyển dụng người nước ngoài tham gia lao động tại Quảng Ninh; giấy phép lao động (giấy xác nhận) của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cho phép người nước ngoài được tham gia lao động tại Quảng Ninh; Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép người nước ngoài được giảng dạy ngoại ngữ tại các trung tâm. Mỗi Trung tâm phải chứng minh năng lực cung cấp giáo viên người nước ngoài để đảm bảo ổn định hoạt động giảng dạy của người nước ngoài cho người học. Phải có cam kết ổn định nguồn giáo viên người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trong năm học.

3. Nếu có từ hai đơn vị cung cấp dịch vụ trở lên xin cung cấp dịch vụ tại một cơ sở giáo dục thì lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì thẩm định các đề án của các cơ sở giáo dục; thẩm định dự toán thu, chi; thẩm định hồ sơ pháp lý của các đơn vị, hồ sơ giáo viên người nước ngoài; thẩm định các điều kiện thực tế tại cơ sở giáo dục. Tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long về kết quả thẩm định; tổ chức phê duyệt, hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện;

b) Phổ biến hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Quy định này. Thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện đề án tại các cơ sở giáo dục, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định dự toán thu chi của đề án; hướng dẫn trình tự, thủ tục thu, sử dụng, hoạch toán các khoản thu, chi tại các cơ sở giáo dục; kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở trên địa bàn thành phố.

3. Ủy ban Nhân dân các phường

Tuyên truyền các nội dung của Quy định này tới toàn thể nhân dân trên địa bàn phường. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cơ sở giáo dục trên địa bàn, kịp thời phát hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để kịp thời xử lý các vi phạm, sai phạm. Chỉ đạo Công an các phường, các đoàn thể khu phố, tổ dân thường xuyên nắm bắt hoạt động của giáo viên người nước ngoài tại các trung tâm ngoại ngữ trên địa bàn phường.

4. Các cơ sở giáo dục

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban Nhân dân thành phố, Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các đề án tại đơn vị. Phổ biến Quy định này tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị; thăm dò ý kiến tham gia của cha mẹ học sinh, học sinh để làm căn cứ xây dựng các đề án. Xây dựng đề án, dự toán thu, chi, gửi hồ sơ về Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định;

b) Thống nhất với cán bộ giáo viên, tổ nhóm chuyên môn, cha mẹ người học, người học để xây dựng kế hoạch thực hiện sau khi đề án được phê duyệt;

c) Thực hiện ký kết các hợp đồng với các đơn vị, giáo viên khi đề án được phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Quản lý người nước ngoài trong thời gian giảng dạy; quản lý chương trình, kế hoạch, tiến độ, thời lượng, nội dung, tài liệu của người nước ngoài, giáo viên trợ giảng. Thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm các nội dung trong đề án, hợp đồng đã ký kết.

5. Các đơn vị được lựa chọn liên kết với cơ sở giáo dục

Chịu trách nhiệm về cư trú, đi lại, sinh hoạt, làm việc cho giáo viên người nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Có kế hoạch quản lý chuyên môn người nước ngoài tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục. Thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng cung ứng giáo viên người nước ngoài, hợp đồng kinh tế đã ký với các cơ sở giáo dục.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Cơ sở giáo dục, đơn vị vi phạm quy định về quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định về quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa thì bị xử lý kỷ luật theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

PHỤ LỤC DỰ TOÁN THU - CHI

Đối với đề án dạy làm quen , tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh
có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài cho học sinh các trường học từ năm học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8332 /QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND thành phố Hạ Long)

Tính cho 01 lớp/01tháng. Số học sinh bình quân mỗi lớp: 30 học sinh, học 02 tiết/tuần (08 tiết/01 tháng; 45 phút / 01 tiết. Thời gian học 01 tháng tương ứng 06 giờ

DỰ TOÁN CHI						Cách tính định mức chi
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Chi trả cho giáo viên				374,400	
	Chi trả cho giáo viên trợ giảng	Giờ	6	62,400	374,400	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2	Chi cho quản lý				343,200	
2.1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu	Giờ	3	62,400	187,200	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	Giờ	1	62,400	62,400	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.3	Kế toán	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
2.4	Thủ quỹ	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
3	Chi trả tiền điện, nước , vệ sinh				370,000	
3.1	Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt	Buổi	8	20,000	160,000	
3.2	Chi tiền nước uống	Bình	3	30,000	90,000	
3.3	Chi tiền vệ sinh lớp học	Buổi	8	15,000	120,000	
4	Khấu hao tài sản(Phòng học)	Phòng	1	220,000	220,000	
5	Chi hoạt động chuyên môn	Lớp	1	150,000	150,000	
6	Chi khác	Lớp	1	100,000	100,000	
7	Chi trả cơ sở liên kết	Tháng	1	7,140,000	7,140,000	
Tổng cộng					8,697,600	
8	Thuế (2% tổng chi)	Lớp	1	2% tổng chi	173,952	
TỔNG CHI					8,871,552	
9	Học liệu (Phô tô tài liệu, phiếu bài tập, nguyên liệu thực hành Tiếng Anh khoa học				Theo thực tế (không quá 12.000đ/tháng)	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh tham gia học/lớp(dự kiến)			30	35	40	
1	Thu 01 học sinh / 01tiết học		36,965	31,684	27,724	
	Làm tròn		37,000	31,000	27,000	
2	Thu 01học sinh / 01tháng		295,718	253,473	221,789	
	Làm tròn		295,000	253,000	221,000	
	Tiền học liệu		Theo thực tế, thu đủ chi, không quá 12.000 đồng/ tháng			



PHỤ LỤC DỰ TOÁN THU - CHI

Phụ lục kèm theo quy định về tài chính đối với đề án dạy làm quen tiếng Anh (không có giáo viên nước ngoài) cho học sinh từ năm học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8332/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND thành phố Hạ Long)

Tính cho 01 lớp/01tháng. Số học sinh bình quân mỗi lớp: 30 học sinh, học 02 tiết/tuần (08 tiết/01 tháng; 40 phút / 01 tiết. Thời gian học 01 tháng tương ứng 5,3 giờ

DỰ TOÁN CHI						Cách tính định mức chi
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Chi trả cho giáo viên				330,720	
	Chi trả cho giáo viên giảng dạy	Giờ	5.3	62,400	330,720	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2	Chi cho quản lý				343,200	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu	Giờ	3	62,400	187,200	
2.2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	Giờ	1	62,400	62,400	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.3	Kế toán	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
2.4	Thủ quỹ	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
3	Chi trả tiền điện, vệ sinh				420,000	
3.1	Chi trả tiền điện	Buổi	8	30,000	240,000	
3.2	Chi tiền nước uống	Bình	2	30,000	60,000	
3.3	Chi tiền vệ sinh lớp học	Buổi	8	15,000	120,000	
4	Khấu hao tài sản (Phòng học)	Phòng	1	220,000	220,000	
5	Chi hoạt động chuyên môn	Lớp	1	100,000	100,000	
6	Chi khác	Lớp	1	30,000	30,000	
7	Chi trả cơ sở liên kết	Tháng	1	1,218,000	1,218,000	
Tổng cộng					2,661,920	
8	Thuế (2% tổng chi)	Lớp	1	2% tổng chi	53,238	
TỔNG CHI					2,715,158	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh tham gia học/lớp (dự kiến)			30	35	40	
1	Thu 01 học sinh / 01 tiết học		11,313	9,697	8,485	
	Làm tròn		11,000	10,000	8,000	
2	Thu 01 học sinh / 01 tháng		90,505	77,576	67,879	
	Làm tròn		90,000	77,000	67,000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

PHỤ LỤC DỰ TOÁN THU - CHI

Phụ lục kèm theo quy định về tài chính đối với đề án dạy kỹ năng sống cho học sinh các trường học từ năm học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8332/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND thành phố Hạ Long)

Tính cho 01 lớp/01tháng. Số học sinh bình quân mỗi lớp: 30 học sinh, học 01 tiết/tuần (04 tiết/01 tháng). Thời gian học 01 tháng tương ứng 03 giờ

DỰ TOÁN CHI						Cách tính định mức chi
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Chi cho quản lý				249,600	
2.1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu	Giờ	1.5	62,400	93,600	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	Giờ	1	62,400	62,400	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.3	Kế toán	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
2.4	Thủ quỹ	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
2	Chi trả tiền điện, nước , vệ sinh				180,000	
3.1	Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt	Buổi	4	15,000	60,000	
3.2	Chi tiền nước uống	Bình	2	30,000	60,000	
3.3	Chi tiền vệ sinh lớp học	Buổi	4	15,000	60,000	
3	Khấu hao tài sản(Phòng học)	Phòng	1	110,000	110,000	
4	Chi hoạt động chuyên môn	Lớp	1	50,000	50,000	
5	Chi khác	Lớp	1	20,000	20,000	
6	Chi trả cơ sở liên kết	Tháng	1	1,530,000	1,530,000	
Tổng cộng					2,139,600	
7	Thuế (2% tổng chi)	Lớp	1	2% tổng chi	42,792	
TỔNG CHI					2,182,392	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh tham gia học/lớp(dự kiến)			30	35	40	
1	Thu 01 học sinh / 01tiết học		18,187	15,589	13,640	
	Làm tròn		18,000	15,500	13,600	
2	Thu 01học sinh / 01tháng		72,746	62,354	54,560	
	Làm tròn		72,000	62,000	54,000	

PHỤ LỤC DỰ TOÁN THU - CHI

Phụ lục kèm theo quy định về tài chính đối với dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8 các trường học từ năm học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8332 /QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND thành phố Hà Long)

Tính cho 01 lớp/01tháng. Số học sinh bình quân mỗi lớp: 30 học sinh, học 02 tiết/tuần (08 tiết/01 tháng; 45 phút / 01 tiết. Thời gian học 01 tháng tương ứng 06 giờ

DỰ TOÁN CHI						Cách tính định mức chi
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Chi trả cho giáo viên				374,400	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
	Chi trả cho giáo viên giảng dạy	Giờ	6	62,400	374,400	
2	Chi cho quản lý				343,200	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu	Giờ	3	62,400	187,200	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	Giờ	1	62,400	62,400	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2.3	Kế toán	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
2.4	Thủ quỹ	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
3	Chi trả hồ sơ nghề	Giờ	1	62,400	62,400	
4	Chi trả tiền điện, vệ sinh				340,000	
4.1	Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt	Buổi	8	20,000	160,000	
4.2	Chi tiền nước uống	Bình	2	30,000	60,000	
4.3	Chi tiền vệ sinh lớp học	Buổi	8	15,000	120,000	
4	Khấu hao tài sản(Phòng học)	Phòng	1	220,000	220,000	
	Chi khác	Lớp	1	30,000	30,000	
Tổng cộng					1,307,600	
8	Thuế (2% tổng chi)	Lớp	1	2% tổng chi	26,152	
TỔNG CHI					1,333,752	
9	Học liệu (Nguyên liệu thực hành)	Học sinh chuẩn bị theo nội dung thực hành				
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh tham gia học/lớp(dự kiến)			30	35	40	
1	Thu 01 học sinh / 01tiết học		5,557	4,763	4,168	
	Làm tròn		5,500	4,700	4,000	
2	Thu 01học sinh / 01tháng		44,458	38,107	33,344	
	Làm tròn		44,000	38,000	33,000	



PHỤ LỤC DỰ TOÁN THU - CHI

Phụ lục kèm theo quy định về tài chính đối với đề án dạy tin học cho học sinh các trường học
từ năm học 2017 - 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8332 /QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND thành phố Hạ Long)

Tính cho 01 lớp/01tháng. Số học sinh bình quân mỗi lớp: 30 học sinh, học 02 tiết/tuần (08 tiết/01 tháng; 45 phút / 01 tiết. Thời gian học 01 tháng tương ứng 06 giờ

DỰ TOÁN CHI						Cách tính định mức chi
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Chi trả cho giáo viên				373,896	
	Chi trả cho giáo viên dạy đối với giáo viên không hưởng lương ngân sách	Giờ	8	46,737	373,896	Theo mức lượng tối thiểu vùng (NĐ 153/2016), 19t/tuần đối với GV THCS; =3.552.000(LTT vùng)/(19x4)
2	Chi cho quản lý				327,600	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150'
2.1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu	Giờ	3	62,400	187,200	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150'
2.2	Chi cho giáo viên quản lý phòng máy	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150'
2.3	Kế toán	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150'
2.4	Thủ quỹ	Giờ	1	46,800	46,800	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150'
3	Chi trả tiền điện, nước , vệ sinh				420,000	
3.1	Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt	Buổi	8	30,000	240,000	
3.2	Chi tiền nước uống	Bình	2	30,000	60,000	
3.3	Chi tiền vệ sinh lớp học	Buổi	8	15,000	120,000	
4	Khấu hao tài sản(Phòng học)	Phòng	1	220,000	220,000	
5	Chi hoạt động chuyên môn	Lớp	1	80,000	80,000	
6	Chi khác	Lớp	1	30,000	30,000	
7	Chi trả nhà đầu tư	Tháng	1	536,000	536,000	
Tổng cộng					1,987,496	
8	Thuế (2% tổng chi)	Lớp	1	2% tổng chi	39,750	
TỔNG CHI					2,027,246	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh tham gia học/lớp(dự kiến)			30	35	40	
1	Thu 01 học sinh / 01tiết học		8,447	7,240	6,335	
	Làm tròn		8,500	7,000	6,000	
2	Thu 01học sinh / 01tháng		67,575	57,921	50,681	
	Làm tròn		67,000	58,000	50,000	